

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2024/DS - PT

Ngày: 24/4/2024

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**
ông **Trần Đức Kiên**

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 595/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1950; nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh Thị T; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

- **Bị đơn:** bà Văn Thị Thùy T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Văn Tăng P, sinh năm 1974; địa chỉ: H đường B, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957.
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1963.
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
3. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968.
Nơi cư trú: Thôn F, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Trọng H.
Nơi cư trú: Tổ A, P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960.
Nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
Đại diện theo ủy quyền của bà C, bà L1 và ông H là bà Nguyễn Thị M (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2022).
6. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1994 và ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1997.
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
7. Ông Phạm Phở C1, sinh năm 1985.
Nơi cư trú: Số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
8. Bà Bùi Thị Ngọc T3 và anh Nguyễn Văn S1.
Cùng địa chỉ: 2 Dela Sapiniere Dorion O Quebec QC GIL A, Canada. Vắng mặt.
9. Ủy ban nhân dân huyện D.
Địa chỉ trụ sở: Số A đường L, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Hữu H1 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện D. Vắng mặt.
10. Ủy ban nhân dân xã D.
Trụ sở: ĐH 50^A, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
*** Người kháng cáo:** bị đơn bà Văn Thị Thùy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cha mẹ của bà là ông Nguyễn Ó (*chết năm 1990*) và bà Nguyễn Thị L3 (*chết năm 2008*) có để lại di sản thừa kế là một thửa ruộng một vụ lúa LUK thuộc thửa số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² tọa lạc tại thôn N, xã D, huyện D,

tỉnh Khánh Hòa. Nguồn gốc thửa đất do ông Nguyễn Ổ và bà Nguyễn Thị L3 được thừa hưởng từ ông bà để lại, giấy tờ gốc vì quá lâu đời nên bị thất lạc.

Ông Nguyễn Ổ và bà Nguyễn Thị L3 có 09 người con chung: Nguyễn Thị C2, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Thị S, Nguyễn T4 (*chết từ nhỏ*), Nguyễn Văn L4 (*chết năm 1975, không có vợ con*), Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị M, có 02 người con đã chết từ lúc nhỏ bà không nhớ tên. Ngoài ra, ông Nguyễn Ổ và bà Nguyễn Thị L3 không còn người con nào khác.

Bà Nguyễn Thị C2 đã chết, không có chồng, có một người con là ông Nguyễn Trọng H;

Ông Nguyễn Trọng Đ chết năm 1978, có vợ là Nguyễn Thị Đ1 (*chết*), có 04 người con là Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Thị L1, Nguyễn L5, Nguyễn Văn M1. Trong đó, Nguyễn L5 chết năm 2013, có vợ là Văn Thị Thùy T1, có 02 con tên là Nguyễn Văn L2 và Nguyễn Văn T2; Nguyễn Văn M1 (*chết*), có vợ là Bùi Thị Ngọc T3, có 01 người con là Nguyễn Văn S1.

Ông Nguyễn Ổ và bà Nguyễn Thị L3 chết không để lại di chúc. Vào năm 2013, các chị em bà S để lại thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông Nguyễn L5 và bà Văn Thị Thùy T1 cùng hai con quản lý, trông coi đất. Ông Nguyễn L5 chết cùng năm 2013, bà Văn Thị Thùy T1 và hai con tiếp tục quản lý, trông coi đất. Sau đó, bà Văn Thị Thùy T1 tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất, các chị em bà S không hề hay biết việc làm của bà Văn Thị Thùy T1.

Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 291316, số vào sổ cấp GCN: CH01983 ngày 13/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp cho bà Văn Thị Thùy T1 và yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà để lại là thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² tọa lạc tại thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo pháp luật cho những người thừa kế và bà yêu cầu được nhận đất.

** Bị đơn bà Văn Thị Thùy T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Bị đơn bà Văn Thị Thùy T1 kết hôn với ông Nguyễn L5 từ năm 1993 và về sinh sống cùng gia đình chồng tại thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Văn L2 và Nguyễn Văn T2. Năm 2013, ông Nguyễn L5 chết, bà Văn Thị Thùy T1 và 02 con vẫn sinh sống tại nhà chồng. Bà và 02 con vẫn thường xuyên canh tác trên mảnh ruộng. Căn cứ vào sổ mục kê đất được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D lập ngày 15/09/2001 để xác định nguồn gốc đất là của ông Nguyễn L5 và được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 291316, số vào sổ cấp GCN: CH01983 ngày 13/11/2014 đứng tên hộ bà Văn Thị Thùy T1. Do nhà từ đường hư hỏng nặng qua cơn bão, được sự đồng ý của các chú, bác trong dòng tộc nên bà Văn Thị Thùy T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng mảnh ruộng trên cho ông Phạm Phở C1. Tuy nhiên, trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng đã bị ngăn chặn nên các bên không tiếp tục chuyển nhượng nữa, bà Văn Thị Thùy T1 và ông Phạm Phở C1 đã thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Văn Thị Thùy T1 thì bà T1 không đồng ý. Vì hộ gia đình bà Văn Thị Thùy T1 vẫn là người đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thị M trình bày:*

- Các bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc C và bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Các bà là con ruột của ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1. Cha và mẹ có tổng cộng 04 người con chung đúng như nguyên đơn trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì các bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 trình bày:*

Các ông là con ruột của bà Văn Thị Thùy T1 và ông Nguyễn L5. Ngoài ra, ông Nguyễn L5 và bà Văn Thị Thùy T1 không còn người con nào khác. Các ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Văn Thị Thùy T1.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Phổ C1 trình bày:*

Tháng 11/2017, ông Phạm Phổ C1 có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Văn Thị Thùy T1 đã được chứng thực, nhưng ngày 21/11/2017 Văn phòng Đ3 - Chi nhánh huyện D có Công văn số 1324 thông báo từ chối giải quyết hồ sơ và trả lại hồ sơ nên việc mua bán không thành và hai bên đã hủy hợp đồng chuyển nhượng.

Ông Phạm Phổ C1 không liên quan và không có ý kiến gì về tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị S và bà Văn Thị Thùy T1. Khi ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đứng tên một mình bà Văn Thị Thùy T1 và không có điều kiện hạn chế như cầm cố, chuyển nhượng. Nay có tranh chấp nên ông và bà Văn Thị Thùy T1 đã hủy hợp đồng chuyển nhượng và ông không còn liên quan đến vụ án.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H trình bày:*

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguồn gốc đất từ đường là của ông bà để lại, bà Văn Thị Thùy T1 tự bán không thông qua gia tộc là không đúng, ông xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc T3 và anh Nguyễn Văn S1 trình bày:*

Bà T3 thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định nhưng ông S1 đã vắng mặt. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D trình bày:*

- Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12 tại xã D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 291316, sổ vào sổ cấp GCN: CH01983, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 13/11/2014 giữa bên chuyển nhượng là bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 và bên nhận chuyển nhượng là ông Phạm Thổ C3 được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D chứng thực số 181/2017, quyền số 01 – SCT/HĐ, GD ngày 24/10/2017. Hiện nay, Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên chưa bị hủy. Trong trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy Hợp đồng nêu trên thì UBND xã D không có ý kiến gì.

- Đối với Biên bản kiểm tra hạn mức đất nông nghiệp: Bà Văn Thị Thùy T1 là người có hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện D nên khi bà T1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp thì Ủy ban nhân dân xã D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã D để kiểm tra hạn mức đất nông nghiệp bà T1 được cấp là bao nhiêu và gia đình bà T1 có trực tiếp sản xuất nông nghiệp không. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã D lập Biên bản kiểm tra hạn mức đất nông nghiệp để trình cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện D trình bày:*

- Việc cấp giấy chứng nhận đối với đất ở xã D nhưng Biên bản kiểm tra hạn mức đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân xã D xác nhận là do bà Văn Thị Thùy T1 có hộ khẩu thường trú tại xã D nên khi được xét cấp đất nông nghiệp thì xã D xác nhận bà T1 đã được cấp diện tích đất nông nghiệp bao nhiêu tại nơi thường trú. Từ đó, Ủy ban nhân dân xã D có cơ sở xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 417, tờ bản đồ 12 có nằm trong hạn mức hay vượt hạn mức theo quy định.

- Thửa đất 417, tờ bản đồ 12, diện tích 1.650m² (LUK) tại xã D, huyện D có nguồn gốc kê khai là do cha mẹ chồng tạo lập từ năm 1975 và cho vợ chồng bà T1 năm 1989. Quá trình sử dụng đất không tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01983 ngày 13/11/2014 cho bà Văn Thị Thùy T1. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 là đúng quy định pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện D không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị S hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T1.

** Người làm chứng ông Nguyễn L6 và ông Nguyễn Đ2 trình bày:*

- Ngày 02/12/2017, gia đình họ Nguyễn có tổ chức họp gia đình và họ tộc đối với việc xác định nguồn gốc thửa đất số 417, tờ bản đồ 12 tại xã D. Thành phần tham gia cuộc họp đúng như Biên bản họp họ tộc ngày 02/12/2017. Theo nội dung Biên bản họp thì lúc đầu viết tay thì thời gian bắt đầu lúc 7 giờ 30 và kết thúc lúc 9

giờ cùng ngày. Tuy nhiên, sau khi họp xong bà Nguyễn Thị M mang đi đánh máy lại để Ủy ban nhân dân xã xác nhận thì có sự nhầm lẫn về mặt thời gian ghi bắt đầu là 17 giờ 30 nhưng đúng ra là 7 giờ 30. Tuy nhiên, nội dung Biên bản đánh máy này với bản viết tay ban đầu các ông xác nhận là giống nhau và đúng với nội dung cuộc họp.

- Ông L6 xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 thì ông có thửa đất giáp ranh nên ông có ký giáp ranh vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho bà T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 18/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 34, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

1. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 291316, số vào sổ cấp GCN: CH01983 ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ bà Văn Thị Thùy T1.

2. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Ó và bà Nguyễn Thị L3 (Nguyễn Thị L7) đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² tọa lạc tại thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo pháp luật.

2.1. Về hiện vật: Giao cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị M thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² tọa lạc tại thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

(Sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo).

2.2. Thanh toán giá trị:

- Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M phải liên đới thanh toán cho bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2 và ông Nguyễn Văn T2 số tiền 40.046.500 đồng (Bốn mươi triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M phải liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Trọng H số tiền 32.037.500 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị L1 mỗi người số tiền là 8.009.000 đồng (Tám triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị Ngọc T3 và ông Nguyễn Văn S1 số tiền là 8.009.000 đồng (Tám triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2023, bà Văn Thị Thùy T1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng giao đất cho bà T1 và bà T1 sẽ hoàn lại các phần thừa kế bằng tiền cho bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Văn Thị T5 trình giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bà Văn Thị Thùy T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Văn Thị Thùy T1.

Bà Văn Thị Thùy T1 chỉ kháng cáo xin được nhận phần thừa kế bằng hiện vật, đối với những phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm như xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế thì không có đương sự nào kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị.

Thửa đất tranh chấp là thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.640,5m² tọa lạc tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa nước còn lại đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 291316, sổ vào sổ cấp GCN: CH01983 ngày 13/11/2014 đứng tên hộ bà Văn Thị Thùy T1.

Theo “Đơn xin xác nhận” ngày 11/11/2013, thì Ủy ban nhân dân xã D xác nhận bà Văn Thị Thùy T1 là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. (bl 26)

Theo Văn bản số 2075/UBND ngày 21/6/2022, Ủy ban nhân dân huyện D có ý kiến như sau: “*Nguồn gốc sử dụng đất: Cha mẹ chồng tạo lập từ năm 1975, chỉ định cho từ năm 1989, sử dụng ổn định, không tranh chấp, phù hợp quy hoạch. Đến thời điểm hiện tại hộ bà Văn Thị Thùy T đang là chủ sử dụng của thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² LUK tại xã D, huyện D. Việc UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận cho hộ bà Văn Thị Thùy T1 là đúng quy định pháp luật, do đó UBND huyện D không đồng ý hủy Giấy chứng nhận số CH01983 cấp ngày 13/11/2014 thửa đất số 417 tờ bản đồ số 12, diện tích 1650m² LUK tại xã D, huyện D mà UBND huyện D đã cấp cho hộ bà Văn Thị Thùy T1 theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị S*”. (BL 408A)

Tại Bản án dân sự phúc thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã nhận định “*Mặt khác, trước năm 1978, ông Nguyễn Trọng Đ (là người mù) có vợ con, có nhà riêng ở nơi khác. Vì ông Đ là người con trai duy nhất và có cháu trai nên năm 1978 ông Đ bệnh nặng, ông Ồ và bà L3 đưa ông Đ về nhà từ đường để ở và chăm sóc. Sau đó, ông Đ chết thì cháu trai là ông Nguyễn L5 về ở cùng ông Ồ và bà L3 để nhang khói và nhà từ đường có người tuyên tử lưu tôn. Khi ông L5 kết hôn với bà Văn Thị Thùy T1 năm 1993 và bà S không đủ sức khỏe canh tác nữa nên bà S đã giao thửa ruộng nêu trên cho ông L5, bà T1 để canh tác cùng giỗ ông bà*”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng đã đề nghị “*Các bà S, L, M hiện tuổi đã cao, không sinh sống tại địa phương nơi có thửa đất 417, tbđ 12 tại thôn N, xã D, huyện D; bà Văn Thị Thùy T1 hiện đang sinh sống tại thôn T, xã D, huyện D cũng khác địa phương nơi thửa đất tranh chấp nhưng hiện nay thửa đất 417, tbđ 12 đang do hộ bà Văn Thị Thùy T1 và các con đang quản lý nên tiếp tục giao cho hộ bà T1 quản lý, sử dụng*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Văn Thị Thùy T1 có xuất trình “*Đơn xin xác nhận*” đề ngày 16/01/2024, có nội dung “*Tôi cam đoan tôi chỉ có một thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1650m² có mục đích sử dụng là đất trồng lúa; địa chỉ: thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Ngoài thửa đất nói trên, tôi không còn bất kỳ thửa đất trồng lúa nào khác tại địa phương*”. Có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã D.

Tại khoản 1 Điều 6 Luật đất đai 2013 quy định nguyên tắc sử dụng đất “*1. Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất*”.

Đối chiếu quy định trên, thấy ngay từ năm 1993 bà S đã không đủ sức để canh tác, trong khi đó hộ bà Văn Thị Thùy T1 đang là người sử dụng đất trực tiếp để canh tác, do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao đất nông nghiệp cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1957), bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1960) là những người không có khả năng sử dụng đất lúa là không đảm bảo nguyên tắc sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị S mong muốn được nhận đất để có địa điểm họ hàng gặp mặt, thờ cúng. Thấy thửa đất đang tranh chấp là đất lúa nên không thể xây dựng công trình kiến trúc để thờ tự. Hiện nay việc thờ tự của dòng họ đã có nhà từ đường riêng.

Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng giao đất cho bà Văn Thị Thùy T1.

[3] Đối với những vấn đề hàng thừa kế, công sức giữ gìn, tôn tạo, tổng giá trị đất tranh chấp không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét. Tuy nhiên, do thay đổi người nhận hiện vật nên cấp phúc thẩm cần sửa lại phần thanh toán giá trị như sau:

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị S 32.037.500 đồng.

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị L 32.037.500 đồng.

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị M 32.037.500 đồng.

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán kỷ phần thừa kế thế vị cho ông Nguyễn Trọng H (con bà Nguyễn Thị C2) số tiền 32.037.500 đồng.

- Kỷ phần thừa kế thế vị cho những người thừa kế thế vị (con ông Nguyễn Trọng Đ) gồm Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn M1 (chết năm 1995) và Nguyễn L5 (chết năm 2013), như vậy các con của ông Đ được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị kỷ phần thừa kế thế vị tương đương số tiền 8.009.000 đồng.

- + Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị L1 mỗi người được hưởng 8.009.000 đồng.

- + Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị Ngọc T3, ông Nguyễn Văn S1 mỗi người được hưởng số tiền 4.004.500 đồng.

[4] Do cấp phúc thẩm giao thừa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² cho bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 291316, số vào sổ cấp GCN: CH01983 ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ bà Văn Thị Thùy T1.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bà Văn Thị Thùy T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà Văn Thị Thùy T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 34, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

1. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Ổ và bà Nguyễn Thị L3 (Nguyễn Thị L7) đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² tọa lạc tại thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo pháp luật.

2. Về hiện vật: Giao cho bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2 và ông Nguyễn Văn T2 thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.650m² tọa lạc tại thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

(Sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 291316, số vào sổ cấp GCN: CH01983 ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ bà Văn Thị Thùy T1.

4. Thanh toán giá trị:

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị S 32.037.500 đồng.

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị L 32.037.500 đồng.

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị M 32.037.500 đồng.

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán kỹ phần thừa kế thế vị cho ông Nguyễn Trọng H (con bà Nguyễn Thị C2) số tiền 32.037.500 đồng.

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị L1 mỗi người được hưởng 8.009.000 đồng

- Bà Văn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị Ngọc T3, ông Nguyễn Văn S1 mỗi người được hưởng số tiền 4.004.500 đồng.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Văn Thị Thùy T1 không phải chịu án dân sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho bà Văn Thị Thùy T1 là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003251 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (do ông Ngô Văn Tăng P nộp thay).

6. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị gồm án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa